TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 54/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 01-7-2019
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám
Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Ông Nguyễn Văn Phẩm
2. Ông Nguyễn Đinh Cường

-***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Hoàng Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: Ông Lê Thanh Phú – Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 07 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 33/2019/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2019, về việc: "*Xin ly hôn, nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐST – HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn***: Chị Trần Thị Như T, sinh năm 1995
Địa chỉ: ấp SĐ, xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.
* ***Bị đơn***: Anh Đỗ Minh H, sinh năm: 1996
Địa chỉ: ấp AH1, xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Như T trình bày: chị với anh Đỗ Minh H tiến đến hôn nhân là do tìm hiểu và tự nguyện được gia đình hai bên chấp nhận, tổ chức lễ cưới năm 2017. Đến ngày 22/11/2017, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71/2017.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với gia đình chồng tại ấp AH1, xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long được khoảng 03 tháng thì chị cấn thai, mẹ chồng kêu đi phá thai nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, sinh con và đi làm nuôi con cho đến nay. Chị đi làm cho công ty đông lạnh MêKông còn chồng đi làm nghề tự do, công việc bấp bênh, chồng chị không quan tâm gì đến mẹ con chị, từ lúc chị sinh con đến nay, chồng chị không thăm nom, cấp dưỡng gì. Đã gần một năm nay, chị đã cho thời gian để anh sửa đổi, cùng chăm lo cho con nhưng chồng chị không chịu sửa chữa, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không cải thiện được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Minh H. Con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Đỗ Ngọc T1, sinh

ngày 14/9/2018. Sau khi ly hôn, chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ phải thu - phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo cho bị đơn anh Đỗ Minh H về yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị T cung cấp. Nhưng anh H không có văn bản trả lời và vắng mặt tại các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị Như T có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đỗ Minh H vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Như T. Xử cho chị T được ly hôn với anh H. Về con chung tiếp tục giao cháu Đỗ Ngọc T1, sinh ngày 14/9/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Như T có đơn đề ngày 30/5/2019 xin Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định cho anh Đỗ Minh H nhưng anh H vắng mặt không rõ lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Như T với anh Đỗ Minh H tiến đến hôn nhân là do tìm hiểu và tự nguyện được gia đình hai bên chấp nhận, tổ chức lễ cưới năm 2017. Đến ngày 22/11/2017, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71/2017 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị T cho rằng vợ chồng chung sống với gia đình chồng tại ấp AH1, xã MA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long được khoảng 03 tháng thì chị cấn thai, mẹ chồng kêu đi phá thai nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, sinh con và đi làm nuôi con cho đến nay, từ lúc chị sinh con đến nay, chồng chị không thăm nom, cấp dưỡng gì. Đã gần một năm nay, chị đã cho thời gian để anh sửa đổi, cùng chăm lo cho con nhưng chồng chị không chịu sửa chữa, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không cải thiện được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy có đủ cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T với anh H là phù hợp với Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: cháu Đỗ Ngọc T1, sinh ngày 14/9/2018 chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H dưỡng nuôi con. Xét từ lúc sinh ra cho đến nay cháu T1 dưới 36 tháng tuổi do chị T nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T: tiếp tục giao cháu Đỗ Ngọc T1 cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con do bên trực tiếp nuôi con không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Như T

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Như T được ly hôn với anh Đỗ Minh H.

2/Về con chung: Giao con chung tên Đỗ Ngọc T1, sinh ngày 14/9/2018 cho chị Trần Thị Như T tiếp tục nuôi dưỡng. Do bên trực tiếp nuôi dưỡng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4/ Về án phí: chị Trần Thị Như T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số No 0006851, ngày 12/02/2019, chị T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng

cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAT: 01;
- VKSND huyện MT:01;
- THADS huyện MT: 01;
-UBND xã MA:01;
- Đương sự: 02 ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Tám